| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7- THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 83/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2026
*V/v:*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Cúc
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân
2. Bà Lê Thị Tâm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:1034/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L; Sinh năm: 1997
HTTT và địa chỉ hiện nay: Thôn Y, xã V, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038197004059
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
*2. Bị đơn:* Anh Lưu Tiến S; Sinh năm: 1992
HTTT: Thôn Y, xã V, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.
Số CCCD: 038092033734
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2026 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lưu Tiến S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (nay là xã V), tỉnh Thanh Hóa ngày 11/01/2016. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cũng từ năm 2021, anh S đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan từ đó

đến nay không về nhà và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Ngọc D, sinh ngày 06/5/2016 và Lưu Thanh H, sinh ngày 14/8/2019. Ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2022 (Có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), anh Lưu Tiến S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị L có đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận đến năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn cũng giống như chị L trình bày ở trên. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày. Ly hôn, anh đồng ý giao cả 02 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo chị L trình bày: Chị chỉ biết hiện nay anh S đang đi làm bên Đài Loan, chị không biết địa chỉ cụ thể của anh S nên không cung cấp được địa chỉ của anh S cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Thanh Hóa cung cấp về thông tin xuất nhập nhập cảnh đối với anh S. Tại công văn số 2404/XNC-Đ1, ngày 29/6/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh -Công an tỉnh Thanh Hóa, kết quả như sau: Anh Lưu Tiến S, sinh ngày 15/08/1992 đã sử dụng hộ chiếu xuất cảnh ngày 23/5/2022 qua của khẩu Sân bay Quốc tế Nội Bài bằng hộ chiếu số C7380020. Từ năm 2022 đến năm 2025 anh S có nhập cảnh về Việt Nam 1 lần. Lần gần đây nhất anh S xuất cảnh ngày 12/10/2025 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh.

Làm việc với gia đình anh S: Tại các biên bản làm việc ngày 22/6/2026 và ngày 17/7/2026, bà Nguyễn Thị O (mẹ đẻ anh S) cho biết. Anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2022 và có về nhà 01 lần. Đến tháng 10/2025 anh S lại đi Đài Loan đến nay chưa về. Anh S vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng bà cũng không biết rõ địa chỉ cụ thể của anh S ở đâu. Bà có thông báo qua điện thoại cho anh S biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L với anh S nhưng anh S không về được nên có nhờ bà thay mặt anh nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà O thay mặt anh S đã nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án tống đạt và cam kết thông báo ngay cho anh S được biết. Anh S cũng đã gửi bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt về cho bà và nhờ bà giao nộp các văn bản trên cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS).

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Lưu Tiến S; Về con chung: Giao cháu Lưu Ngọc D, sinh ngày 06/5/2016 và Lưu Thanh H, sinh ngày 14/8/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn với anh Lưu Tiến S, anh S hiện nay đang làm việc tại Đài Loan nhưng có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xã V, tỉnh Thanh Hóa nên xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Sỹ: Anh S hiện đang đi làm tại Đài Loan. Qua làm việc với thân nhân của anh S xác định, anh S vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, mẹ đẻ anh S đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo lại ngay cho anh S. Căn cứ Điều 10, nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐPT, ngày 16/5/2024 và hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì đây được xác định là đã tống hợp lệ cho đương sự.

[3]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh S vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp vắng mặt anh S và đã thông báo kết quả phiên họp cho anh S theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[5]. Chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[6]. Tại phiên tòa, chị L và anh S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh S.

[7]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Lưu Tiến S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (nay là xã V), tỉnh Thanh Hóa ngày 11/01/2016 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vào năm 2021 anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả chị L và anh S đều thừa nhận và cũng được các cấp chính quyền xã V xác nhận. Nay cả chị L và anh S xác định tình

cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L và anh S được ly hôn.

[8]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Cả chị L và anh S đều yêu cầu được giao con cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị L và anh S.

[9]. Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[10]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273; Khoản 2 Điều 479 BLTTDS; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 10, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Lưu Tiến S.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Ngọc D, sinh ngày 06/5/2016 và Lưu Thanh H, sinh ngày 14/8/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa theo biên lai số BLTU/26E/0005080 ngày 19/6/2026. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị Lan và anh Lưu Tiến Sỹ. Chị Lan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Sỹ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HSVA.

**Nguyễn Thị Cúc**